

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2022

Về tranh chấp: Ly hôn, con chung

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tuấn

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Kim Thành

Bà Trịnh Thị Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 388/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992; số chứng minh nhân dân: 163029993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã P, huyện M, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện M, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Minh D, sinh năm 1986; số căn cước công dân: 036086007105; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2/34/21 đường T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 2/34/21 đường T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 11-10-2021, bản tự khai ngày 25-10-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Chị Trần Thị H trình bày:

Chị và Anh Trần Minh D quen nhau qua mạng xã hội Zalo rồi có thời gian tìm hiểu, yêu đương khoảng 02 tháng. Sau đó hai bên tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào ngày 21-9-2018. Sau khi chị sinh con, đến ngày 03-6-2019 thì chị và anh D mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn, chị và Anh Trần Minh D không chung sống cùng nhau, chị vẫn ở nhà bố mẹ đẻ tại địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện M, tỉnh Nam Định. Chỉ vào những ngày nghỉ lễ, tết thì chị đến nhà anh D vài ngày, về phía anh D rất ít khi đến thăm chị. Kết hôn được một thời gian ngắn thì vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh D thường xuyên uống rượu, không chịu lao động, chỉ sống dựa vào gia đình, kể từ khi kết hôn và sinh con cho đến nay anh D chưa lần nào chu cấp tiền cho chị và con. Mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh D đều đánh chị. Từ khoảng tháng 6/2019 cho đến nay thì vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Hiện tại chị xác định vợ chồng không còn tình cảm gì, mâu thuẫn của vợ chồng không có khả năng khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và Anh Trần Minh D có 01 con chung là con gái, tên là Trần Uyên S, sinh ngày 04-3-2019. Hiện tại con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị H trình bày không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ và niêm yết các thông báo thụ lý, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Anh Trần Minh D đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc, không đưa ra quan điểm của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị H.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

- Xử lý hôn giữa Chị Trần Thị H và Anh Trần Minh D.

- Về con chung: Giao cho Chị Trần Thị H trực tiếp nuôi con Trần Uyên S, sinh ngày 04-3-2019.

Buộc Anh Trần Minh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Buộc Chị Trần Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; buộc Anh Trần Minh D phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn Anh Trần Minh D, giải quyết về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là Anh Trần Minh D không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.2. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là Chị Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là Anh Trần Minh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị H và Anh Trần Minh D có thời gian tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, sau đó đã tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào ngày 21-9-2018. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 03-6-2019. Như vậy, hôn nhân giữa chị Hằng và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Kể từ sau khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng chị Hằng và anh D không có thời gian chung sống cùng với nhau, chị Hằng vẫn sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ. Ngoài ra do anh D là người thường xuyên uống rượu, không chịu lao động, không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng không có tình cảm gì và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Kể từ tháng 6/2019 đến nay chị Hằng và anh D không còn liên lạc gì với nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Hằng và anh D ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử lý hôn giữa Chị Trần Thị H và Anh Trần Minh D.

2.2. Về con chung:

Chị Trần Thị H và Anh Trần Minh D có 01 con chung là con gái, tên là Trần Uyên S, sinh ngày 04-3-2019. Xét thấy hiện tại con chung dưới 36 tháng tuổi và Chị Trần Thị H có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ giao cho Chị Trần Thị H trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Do Chị Trần Thị H trực tiếp nuôi con chung nên Anh Trần Minh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét các khoản chi phí thực tế hợp lý cho việc nuôi con và yêu cầu của chị Hằng về cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử sẽ buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng) kể từ tháng 01/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Minh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.*

1. Xử lý hôn giữa Chị Trần Thị H và Anh Trần Minh D.

2. Về con chung: Giao cho Chị Trần Thị H trực tiếp nuôi con Trần Uyên S, giới tính: Nữ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2019, số định danh cá nhân: 036319006246.

Buộc Anh Trần Minh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng) kể từ tháng 01/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị H và Anh Trần Minh D vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí:

Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm

ngàn đồng) Chị Trần Thị H đã nộp tại biên lai số 0005000 ngày 11-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Minh D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

#### 4. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị H và Anh Trần Minh D có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Cửa Bắc;
- (ĐKKH số 31 ngày 03-6-2019)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Tuấn**